

Số: 15/KH-THTT

Tân Tiến, ngày 24 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH

V/v thực hiện các khoản thu góp, ủng hộ năm học 2023-2024

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện Chương trình GDPT trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Hướng dẫn số 1507/SGDDT-KHTC ngày 19/11/2021 của Sở GDĐT tỉnh Hải Dương hướng dẫn việc miễn giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; quản lý, sử dụng học phí và các khoản thu khác trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ vào Nghị quyết họp Ban Giám hiệu, họp Chi bộ, Hội đồng trường, Hội đồng sư phạm, Ban đại diện Hội cha mẹ HS nhà trường họp đầu năm học 2023-2024.

Trường Tiểu học Tân Tiến lập kế hoạch thực hiện các khoản thu năm học 2023-2024 như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Thực hiện quản lý thu, chi các khoản trong năm học đúng mục đích, sát thực tế, phù hợp với điều kiện của địa phương, được sự đồng thuận ủng hộ từ PHHS;

Tăng cường cơ sở vật chất cho nhà trường và hỗ trợ các hoạt động phục vụ cho công tác dạy học, giáo dục HS; từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu dạy-học của thầy và trò;

Nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên trong thực hiện nhiệm vụ.

2. Yêu cầu

Bám sát văn bản chỉ đạo của các cấp quản lý;

Phù hợp với yêu cầu của nhà trường nhằm phục vụ công tác giáo dục HS;

Sử dụng đúng mục đích, đúng kế hoạch, tiết kiệm, thu đủ chi;

Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, được sự ủng hộ nhất trí của 100% phụ huynh toàn trường.

Công khai, dân chủ, minh bạch, đảm bảo hiệu quả công việc.

II. Đối tượng được hưởng: Học sinh đang học tập trực tiếp tại nhà trường.

III. Hình thức thu

1. Thu theo quy định

1.1. Trông giữ xe đạp của học sinh: 10.000 đồng/xe/tháng

Dự kiến thu được: 10.000đ/xe/tháng x 90 xe x 9 tháng = 8.100.000 đ/năm

Dự kiến chi:

+ Nộp thuế (VAT 5%; thu nhập doanh nghiệp 5%): 810.000 đồng/năm

+ Lệ phí môn bài (các dịch vụ): 1.000.000 đồng/năm

+ Trả công trông giữ 70% số thu: 8.100.000đ/tháng x 70% = 5.670.000đồng

+ Tu sửa nhỏ: 620.000 đồng.

Thu theo tháng, chuyển khoản.

1.2. Bảo hiểm y tế bắt buộc:

- Thu: HS khối lớp 1: 12 tháng - 680.400 đồng/1 học sinh

13 tháng - 737.100 đồng/1 học sinh

14 tháng - 793.800 đồng/1 học sinh

15 tháng - 850.500 đồng/1 học sinh.

HS khối lớp 2 đến khối lớp 5: 680.400 đồng/1 học sinh/năm.

- HS lớp 1 thu xong trong tháng 9/2023; HS các khối lớp khác thu xong trước 15/12/2023. Chuyển nộp đủ về cơ quan BH.

(Không thu đối với những HS đã được cấp thẻ BHYT miễn phí từ NSNN)

2. Các khoản thu hộ, tự nguyện

2.1. Bảo hiểm thân thể học sinh:

- Mức thu là 200.000 đ/1HS/năm (theo mức giá của công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Cty Bảo hiểm Quân đội. HSKT, HS mồ côi cả cha và mẹ, HS hộ nghèo, HS hộ cận nghèo được Công ty hỗ trợ).

- Thu trong tháng 9. Chuyển nộp đủ về công ty.

2.2. Kinh phí hoạt động Hội cha mẹ học sinh

* Mức thu: Tự nguyện theo khả năng của mỗi PHHS; không vận động gia đình hộ nghèo, cận nghèo, hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, HS diện khuyết tật.

Trích 50% cho hoạt động của Chi hội CMHS lớp, 50% chi hoạt động của Hội CMHS toàn trường.

* Chi: Việc chi thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS. Phần chi của CMHS của lớp do Ban đại diện CMHS lớp quyết định.

- Dự kiến chi kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS trường:

TT	Nội dung	Số lượng	Số tiền/HS (lớp)	Tổng số (VNĐ)
1	Động viên, khen thưởng học sinh			18.108.000
	- Thưởng tập thể lớp xuất sắc	06 lớp	150.000	900.000
	- Thưởng tập thể lớp tiên tiến	08 lớp	100.000	800.000
	- Thưởng vở cho học sinh TB học kì I	85 HS	6.800	578.000
	- Thưởng vở cho học sinh xuất sắc	160 HS	21.000	3.360.000

	- Thưởng vở cho HS tiêu biểu	170 HS	14.000	2.380.000
	- Thưởng HS đoạt giải cấp huyện (thi trực tiếp)	5 HS	150.000	750.000
	- Thưởng HS đoạt giải cấp tỉnh, quốc gia (thi qua mạng)	40 HS	150.000	6.000.000
	- Động viên HS đi thi cờ vua (10 em), bóng đá (12 em), cầu lông (10 em) cấp huyện	32 HS	50.000	1.600.000
	- Động viên HS đi thi bóng đá cụm	12 HS	50.000	600.000
	- Động viên HS luyện tập cờ vua	10 HS	30.000	300.000
	- Động viên HS luyện tập bóng đá	12 em	70.000	840.000
2	Tặng quà, thăm viếng			11.500.000
	- Tặng quà HS có hoàn cảnh khó khăn (khai giảng, Trung thu, Tết)	15 HS	600.000	9.000.000
	- Thăm hỏi			1.600.000
	- Mua hoa tặng thầy cô ngày Khai giảng, 20/11 và Lễ Tổng kết năm học			900.000
3	Trải nghiệm sáng tạo			10.250.000
3.1	- Chi thưởng cho các lớp làm báo tường/báo ảnh/báo bảng (theo giải)	14 lớp		2.150.000
3.2	- Chi thưởng Hội thi Giai điệu tuổi hồng (1 nhất + 2 nhì + 3 ba + 8 KK)	14 giải		2.600.000
3.3	- Chi thưởng giao lưu Hội khỏe Phù Đổng cấp trường (theo giải)			3.500.000
3.3	- Hỗ trợ trang trí các HĐTN	2	1.000.000	2.000.000
Tổng chi				39.858.000

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng.

- Dự kiến kinh phí cần huy động năm học này: 39.858.000 đồng.

2.2. Tiền đồng phục của học sinh: Mức thu theo báo giá của cơ sở may đã được nhà trường và Ban đại diện cha mẹ HS thẩm định giá.

TT	Tên hàng	ĐV tính	Đơn giá (đồng)				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Áo, váy mùa hè						
1	Áo loong Mỹ cộc tay	Cái	76 000	78 000	80 000	82 000	84 000
2	Áo loong Mỹ dài tay	Cái	78 000	80 000	82 000	84 000	86 000
3	Váy	Cái	78 000	80 000	82 000	84 000	86 000
4	Bộ thể thao	Bộ	130 000	135 000	140 000	145 000	150 000
II	Áo khoác mùa đông						
1	Vải Micophai may 3	Cái	130 000	135 000	140 000	145 000	150 000

lớp, bên trong trần bông						
--------------------------	--	--	--	--	--	--

Phụ huynh có thể đăng kí theo lớp (Ban đại diện phụ huynh của lớp thu và thanh toán với nhà may hoặc nhờ GVCN thu giúp) hoặc tự may theo mẫu chung của trường (từ những năm học trước).

Thu vào cuối năm học để phục vụ cho năm học 2024-2025.

2.4. Tiền vở viết, sách giáo khoa và bộ đồ dùng học tập của học sinh:

* Sách giáo khoa: Mức thu theo giá bìa và theo đăng kí của CMHS. Nhà trường tổng hợp, đăng kí với Phòng GD&ĐT.

Thu vào cuối năm học để phục vụ cho năm học sau. Riêng các lớp thay sách GK năm đầu sẽ thu vào đầu năm học mới (khi có báo giá chính xác).

* Vở ghi và bộ đồ dùng học tập: Mức thu theo báo giá và theo đăng kí của CMHS. Nhà trường tổng hợp, đăng kí với Phòng GD&ĐT.

Thu vào cuối năm học để phục vụ cho năm học sau.

3. Các khoản thu theo thỏa thuận

3.1. Tiền mua nước uống tinh khiết cho học sinh:

Dự kiến:

1 tháng: 1 HS dùng hết ½ bình loại 19.5 lít;

393 HS dùng hết 196 bình.

Cả năm, toàn trường dùng hết: 1666 bình.

Giá tiền 1 bình (theo hợp đồng): 15.000 đồng;

Số tiền HS cần nộp trong 1 năm học: $15.000 \times 1666 : 393 = 63.587$ đồng
(làm tròn: 63.000 đồng/năm)

Số tiền cần nộp 1 tháng: $63.000 : 9 = 7.000$ đồng/HS.

Thu vào cuối mỗi học kì, chuyển khoản

3.2. Tiền lao công (quét sân trường, dọn nhà vệ sinh, tưới cây,...)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Thuê người dọn các nhà vệ sinh, khơi cống rãnh, phân loại rác, chuyên rác, tưới cây, nhổ cỏ	tháng có hoạt động	9	2.500.000	22.500.000
2	Thuê người dọn các nhà vệ sinh, khơi cống rãnh, tưới cây, nhổ cỏ, phân loại rác, chuyên rác	tháng hè	3	700.000	2.100.000
3	Thuê cắt cỏ	Lần	1	700.000	700.000
4	Mua chổi	cái	18	50.000	900.000
5	Mua gàu hót rác	cái	10	25.000	250.000
6	Mua máy bơm nước phục vụ khu VS	cái	1	2.500.000	2.500.000
7	Mua dụng cụ vệ sinh nền nhà VS HS	cái	15	35.000	525.000

8	Mua dụng cụ vệ sinh bồn, bệt VS	cái	10	35.000	350.000
9	Mua giấy vệ sinh	bịch	34	50.000	1.700.000
10	Chăm sóc cây xanh (cắt, tía, bón phân)	đợt	2	1.600.000	3.200.000
	Tổng				34.425.000

Tổng cần chi: 34.425.000 đồng

Số tiền cần thu từ mỗi HS: 34.325.000: 382 HS = 90,118 đồng/HS/năm.

Làm tròn: 90 000 đồng/1 HS/năm

Thu theo kì (vào tháng 10/2023 và tháng 1/2024), chuyển khoản (không thu HSKT và HS hộ nghèo).

3.2. Tiền học buổi 2

3.2.1. Các môn tự chọn:

3.2.1.1. Tiếng Anh:

* **Lớp 1, 2** (hợp đồng với Cty Phương Anh):

Mức thu: 5.000đ/tiết; 40.000đồng/HS/tháng x 9 tháng

(Không thu HSKT, HS hộ nghèo, con GV dạy trong trường, giảm 50% đối tượng HS có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt)

Chi: Nộp về Cty: 80%;

Công tác quản lí, công tác thu và hỗ trợ CSVC, thuế NN: 20%.

* **Lớp 5:** HS học 4 tiết/tuần.

Tổng số tiết/tuần: 4 t/tuần x 3 lớp = 12 tiết/tuần

Nhà trường phải hợp đồng 01 GV dạy tiếng Anh khối lớp 5: 12 tiết/tuần.

Mức thu để đảm bảo chi trả công đối với 01 GVHD theo tiết (dạy 12 tiết):

66.200đ/HS/tháng x 9 tháng = 595.800 đồng/HS/năm.

3.2.1.2. Kỹ năng sống (Hợp đồng với Trung tâm GD KNS Everets)

Mức thu: 12.000 đồng/tiết; 48.000 đồng/tháng x 9 tháng

(Không thu HSKT, HS hộ nghèo, con GV dạy trong trường, giảm 50% đối tượng HS có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt)

Chi: Nộp về Cty: 80%;

Công tác quản lí, công tác thu và hỗ trợ CSVC, thuế NN: 20%.

3.2.2. Các môn văn hóa:

- Số tiết cần chi trả cho GV dạy : 3290 tiết

- Số tiền/tiết cần thu: 187.268.000 đồng (tổng tiền lương tháng 8/2023) : 24 : (23 x 35) x 35 : 52 x 146% = 114.302 đồng

- Số tiền cần thu: 376.054.812 đồng

- Tổng số tiết HS toàn trường cần nộp: 75.250 tiết

- Số tiền trung bình HS cần nộp 1 tiết: 4997 đồng.

- Số tiền cần nộp cụ thể như sau:

Đôi tượng	Số tiền/tiết	Số tiết/1HS	Số tiền/1HS	Số tháng	Số tiền/tháng	Ghi chú
HS lớp 1	4.997	245	1.224.360	9	136.040	Làm tròn 126.000 đồng
HS lớp 2	4.997	245	1.224.360	9	136.040	Làm tròn 126.000 đồng
HS lớp 3	4.997	210	1.049.451	9	116.606	Làm tròn 116.600 đồng
HS lớp 4	4.997	140	699.634	9	77.737	Làm tròn 77.700 đồng
HS lớp 5	4.997	175	874.543	9	97.171	Làm tròn 97.200 đồng

(có kế hoạch chi tiết kèm theo)

Thu theo tháng, chuyển khoản.

3.3. Tiền ăn bán trú

- Hợp đồng với **Hợp tác xã liên kết chuỗi nông sản Cocofood** (Số 13 Phạm Sư Mệnh, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam) đặt suất ăn bán trú phục vụ HS (vì trường không tìm được nhân viên nấu ăn).

- Số lượng HS bán trú: 97 HS (theo đơn đăng ký của PHHS), trong đó có 01 HSKT và 01 HS có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt (miễn tiền công tác quản lí, trông trưa... và tiền bổ sung CSVC).

- Dự kiến chi phục vụ bán trú:

a. Mức ăn: 18.000 đồng/suất (chuyên trả cty cung cấp);

b. Chi trả công chăm sóc, phục vụ :

* Người chăm sóc HS ăn và trông trưa: 2 người

- Thời gian phục vụ, trông trưa: 3 giờ/ngày/người (từ 10h25 đến 13h25');

- Mức chi:

+ Tính theo lương ngoài giờ: $4.160.000 \times 150\% : 208 = 30.000đ/\text{giờ/người}$

+ 1 tháng cần: $30.000đ \times 3 \text{ giờ} \times 2 \text{ người} \times 22 \text{ ngày} = 3.960.000 \text{ đồng}$

* Người phục vụ HS ăn (nhận suất ăn, chăm sóc HS ăn, rửa dọn): 1 người

- Thời gian phục vụ, trông trưa: 3,5 giờ/ngày/người (từ 10h đến 13h30')

- Mức chi:

+ Tính theo lương ngoài giờ: $4.160.000 \times 150\% : 208 = 30.000đ/\text{giờ/người}$

+ 1 tháng cần: $30.000đ \times 3,5 \text{ giờ} \times 1 \text{ người} \times 22 \text{ ngày} = 2.310.000 \text{ đồng}$

* Tổng chi cho 3 người chăm sóc, phục vụ:

$3.960.000 + 2.310.000 = 6.270.000 \text{ đồng/tháng.}$

* Công tác quản lí: $6.270.000 : 80\% \times 20\% = 1.567.500 \text{ đồng/tháng}$

Số tiền cần thu 1 tháng: $6.270.000 \text{ đ} + 1.567.500đ = 7.837.500đ$

Số tiền mỗi HS cần đóng 1 tháng: $7.837.500đ : 97 \text{ HS} = 80.799 \text{ đồng}$

(làm tròn: 80.000 đồng/HS tháng).

c. Tiền phụ phí: 1 tháng cần dùng:

- Điện: $1.950 \text{ đ/KW} \times 137 \text{ KW} = 267.150 \text{ đồng};$

- Nước sạch: $12.000đ \times 40\text{m}^3 = 480.000đ$

- Nước lau sàn nhà (Sunlight): $37.000đ \times 2 \text{ chai} = 74.000đ;$

- Nước rửa tay (Lifebuoy): $66.500đ \times 2 \text{ chai} = 133.000đ;$

- Nước rửa bát (Sunlight chanh 750g): $35.000 \times 1 = 35.000đ$

Tổng phụ phí 1 tháng: 989.150 đồng

Mỗi HS cần đóng: $989.150 \text{ đồng} : 97 \text{ HS} = 10.198đ/\text{HS/tháng}$

(làm tròn: 10.000 đồng/HS tháng)

Thu theo tháng (từ 01 đến 05 tháng kế tiếp), tiền mặt (vì mức thu của HS có thể khác nhau).

* Bỏ sung CSVC bán trú (theo NQ số 08/2022 của HĐND tỉnh): HS lớp 1: 200.000đ/HS/khóa; HS các lớp khác: 100.000đ/HS/khóa (do năm học trước chỉ thu 100.000 đồng/HS/năm). Thu từ tháng 10/2023.

Dự kiến thu được: **12.200.000** đồng (Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng) (miễn đối với 1 HS khuyết tật-lớp 4 và 1 HS có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt).

* Chi: Trong năm học 2023-2024

Dự kiến: **12.200.000** đồng (Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng). Cụ thể:

Mua chổi quét nhà, bộ cây lau nhà: 260.000đ.

Mua thảm lau chân: 44.000đ/c x 8 chiếc = 352.000đ.

Bỏ sung chăn nỉ: 242.000đ/c x 20 chiếc = 4.840.000đ

Mua thảm trải trên sạp: 187.000đ x 28 tấm = 5.236.000đ

Thuê giặt chăn, thảm: 1.700.000đ.

Tất cả HS tự chuẩn bị khăn mặt. Riêng HS lớp 1 tự chuẩn bị thêm gói.

3.4. Dịch vụ nhắn tin, số liên lạc điện tử: 10.000đồng/HS/tháng.

- Nộp về công ty: 80%

- Chi hỗ trợ GVCN lớp, CBQL và NV nhập thông tin liên lạc (PHT và đ/c Thiện): 20%.

- Thu theo đợt (vào tháng 10/2023 và tháng 01/2024), chuyển khoản.

4. Vận động tài trợ (tự nguyện):

Nhà trường tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản tài trợ thực hiện theo Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Dự kiến nội dung cần vận động tài trợ:

TT	Nội dung cần tài trợ	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Sửa máy vi tính phòng Tin học	08 chiếc	3.500.000	28.000.000
2	Sửa ti vi (55inch) ở 8 phòng học	03 chiếc	6.050.000	18.150.000
		05 chiếc	1.870.000	9.350.000
	Cộng			55.500.000

Nếu số tiền tài trợ vượt kế hoạch, nhà trường sẽ cân đối để làm mái che lối đi ra khu vệ sinh của học sinh và vách ngăn cách sân tập TDTT với khu vệ sinh.

Tiếp nhận từ 13/9/2023 đến hết tháng 10/2023.

IV. Tổ chức thực hiện

- Thông qua cuộc họp Ban Giám hiệu, Chi bộ, Hội đồng trường, Hội đồng sư phạm đầu năm học 2023 - 2024

- Thống nhất các khoản thu với Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh toàn trường trong cuộc họp Ban đại diện cha mẹ học sinh trường đầu năm học.

- Lập kế hoạch và dự trù kinh phí các khoản thu góp và ủng hộ năm học 2023- 2024.
- Niêm yết công khai kế hoạch thu góp đầu năm học 2023-2024.
- Triển khai đến toàn thể phụ huynh học sinh trong trường.
- Báo cáo UBND xã Tân Tiến, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Gia Lộc.

Nơi nhận:

- UBND xã Tân Tiến (để b/c);
- Phòng GDĐT Gia Lộc (để b/c);
- Hội CMHS (để phối hợp t/h);
- Hội đồng sư phạm (để t/h);
- Lưu: Hồ sơ.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thúy